

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST

Ngày 15 - 9 - 2023

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY- TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Quang Huy
2. Ông Phan Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Đào Văn Th, sinh năm 1945 và bà Phan Thị T, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Điều vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn:

Chị Đào Thị Th, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt. (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 24/4/2023).

2. Đồng bị đơn:

- Anh Đào Xuân D, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh D có mặt, chị Th vắng mặt, ủy quyền cho anh D tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2023.

- Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1977 và chị Cao Thị Bích Nh, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh Đ có mặt, chị Nh vắng mặt, ủy quyền cho anh Đ tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 13/9/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2023, đồng nguyên đơn là ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T trình bày: Tại Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/9/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy về việc giải quyết đơn kiến nghị liên quan đến việc sử dụng đất của ông Đào Xuân N ở thôn H, xã S có nội dung: Điều 3: Đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12, diện tích 399,9m² đất nông nghiệp (HNK) nguyên trước đây ông Đào Văn Th sử dụng nay tiếp tục giao cho ông Th sử dụng. Thửa đất này nằm trong hành lang đường bộ nên trong quá trình sử dụng ông Đào Văn Th phải tuyệt đối chấp hành các quy định của Nhà nước về sử dụng đất trong hành lang đường bộ. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này sẽ thực hiện cùng với đợt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp của toàn xã S. Mặc dù chưa làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Th, bà T vẫn quản lý, sử dụng ổn định, liên tục đối với thửa đất này. Trong quá trình sử dụng thửa đất nói trên, năm 2022 phát hiện những người sử dụng đất liền kề có hành vi lấn chiếm một phần diện tích đất, cụ thể như sau: Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1979 và chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1987 lấn chiếm diện tích khoảng 45m² (phía Bắc 1,2m, phía Nam 2,3m, chiều dài 19m). Trên diện tích đất lấn chiếm, anh Đ và chị Th đã tự ý đóng trụ bê tông và xây hàng rào. Anh Đào Xuân Đ, sinh năm 1977 và chị Cao Thị Bích Nh, sinh năm 1980 lấn chiếm diện tích khoảng 15m² (chiều ngang 1,8m, chiều dài 8m). Trên diện tích đất lấn chiếm, anh Đ và chị Nh đã tự ý xây dựng công trình vệ sinh. Sau khi phát hiện đất bị lấn chiếm, ông Th và bà T đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị Th và vợ chồng anh Đ, chị Nh phải tháo dỡ công trình đã xây dựng để trả lại diện tích đất đã lấn chiếm nhưng vợ chồng anh Đ, chị Th và vợ chồng anh Đ, chị Nh không thực hiện. Vợ chồng ông Th và bà T đề nghị Tòa án tuyên buộc anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th trả lại diện tích đất đã lấn chiếm diện tích khoảng 45m²; tuyên buộc anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh trả lại diện tích đất đã lấn chiếm diện tích khoảng 15m² đồng thời buộc các đồng bị đơn phải có nghĩa vụ di dời, phá bỏ, tháo dỡ các công trình xây dựng và cây cối đã trồng trái phép trên phần đất của ông Th, bà T.

Tại Biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn là chị Đào Thị Th trình bày: Trong đơn khởi kiện khi chưa xác định cụ thể được diện tích đất lấn chiếm và tài sản, cây cối trên diện tích đất lấn chiếm nên bố mẹ tôi có yêu cầu anh Đ, chị Th trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 45m² và các trụ bê tông và hàng rào; yêu cầu anh Đ, chị Nh trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 15m² và công trình vệ sinh. Tuy nhiên, sau khi Tòa án tổ chức xem xét thẩm định tại chỗ, đại diện theo ủy quyền của đồng nguyên đơn chấp nhận, nhất trí hoàn toàn với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu anh Đ, chị Th trả lại diện tích đất lấn chiếm 48,8m² và phải nhổ bỏ 03 cây dừa 7 đến 8 năm tuổi, 01 cây xoan phi lớn hơn 20cm, 01 bụi chuối, 07 cọc bê tông cao 1,5m x 10cm, hàng rào lưới B40 cao 1,5m dài 17,91m, tường rào xây bằng bloc tô trát hoàn chỉnh cao 1,5m, dài 10,8m. Yêu cầu anh Đ, chị Nh

trả lại diện tích đất lấn chiếm 8,9m² và phá dỡ 8,49m móng xây bằng đá học xanh cao 1,1m, rộng 0,5m.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/8/2023, đồng bị đơn anh Đào Xuân D và chị Nguyễn Thị Th trình bày: Anh D và chị Th thừa nhận có lấn chiếm của ông Th, bà T diện tích đất 48,8m²; về công trình hàng rào đã xây anh D và chị Th xin được giữ nguyên hiện trạng sử dụng và bù phần dôi dư của diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nằm ngoài hàng rào cho ông Th, bà T; đối với hàng rào lưới B40 và cây cối trên diện tích 20,2m² đất của ông Th và bà T, anh D và chị Th sẽ phá dỡ để trả lại đất cho ông Th và bà T. Tại phiên tòa, anh D trình bày có nguyện vọng xin được tiếp tục sử dụng diện tích 28,6m² nằm trong hàng rào đã xây dựng và trả tiền giá trị 28,6m² đất cho ông Th và bà T theo giá của hội đồng định giá.

Tại Biên bản hòa giải ngày 20/8/2023, đồng bị đơn anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh trình bày: Anh Đ và chị Nh thừa nhận có lấn chiếm của ông Th, bà T diện tích đất 8,9m², mong muốn ông Th, bà T cho anh chị được tiếp tục sử dụng, lúc nào vợ chồng ông Th bà T làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh Đ và chị Nh sẽ trả; nếu ông Th và bà T không chấp nhận thì anh Đ và chị Nh sẽ phá dỡ để trả lại nguyên trạng. Tại phiên tòa, anh Đ trình bày cho vợ chồng anh đến tháng 6/2024 phá dỡ hàng rào trả lại đất lấn chiếm vì hiện nay mùa mưa không làm được.

Ngày 28/7/2023, Tòa án đã tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản tranh chấp, kết quả:

- Đối với thửa đất giao cho ông Đào Văn Th theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/9/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy: Thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12, diện tích 399,9m² đất nông nghiệp (HNK): Diện tích thực tế sử dụng 342,2m², trên thửa đất đang trồng cây rau muống, không định giá tài sản.

- Đối với thửa đất cấp cho anh Đào Xuân D và chị Nguyễn Thị Th: Thửa đất số 955, tờ bản đồ số 15 tại: Thôn Tr, xã S, huyện L; diện tích đất thực tế đang sử dụng 1.821,5m², vượt so với giấy CNQSD đất đã cấp 48,8m², trị giá 1.610.400 đồng; trên diện tích đất sử dụng vượt so với giấy CNQSD đất đã cấp, anh D và chị Th xây tường rào bằng gạch bờ lóc, tô trát hoàn chỉnh dài 10,8m, cao 1,5m, trị giá 11.124.000 đồng; dựng hàng rào lưới B40 cao 1,5m, dài 17,91m, 07 cọc bê tông cao 1,5m, rộng 10cm, trị giá 3.402.900 đồng; trồng 03 cây dứa 7 đến 8 năm tuổi, trị giá 1.036.000 đồng; 01 cây xoan phi lớn hơn 20cm, trị giá 52.680 đồng; 01 bụi chuối sắp trở buồng, trị giá 253.000 đồng; tổng trị giá tài sản tranh chấp 17.478.980 đồng.

- Anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh sử dụng lấn chiếm của ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T diện tích đất 8,9m², trị giá 293.700 đồng. Trên diện tích đất lấn chiếm, anh Đ và chị Nh xây móng bằng đá học xanh cao 1,1m, rộng 0,5m, dài 8,49m, trị giá 4.739.500 đồng; tổng trị giá tài sản tranh chấp 5.033.200 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 163, 164, 166, 274, 275, 276, khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự; Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn, buộc các đồng bị đơn phải phá dỡ, di dời tất cả các tài sản trên diện tích đất sử dụng lấn chiếm để trả trả lại diện tích đất đã lấn chiếm cho đồng nguyên đơn. Buộc các đồng bị đơn phải chịu chi phí thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định vì yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; người khởi kiện không yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng bị đơn cư trú tại xã S, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nguồn gốc các thửa đất đã cấp, giao cho các đương sự và các tài sản có tranh chấp:

2.1. Nguồn gốc thửa đất giao cho ông Đào Văn Th: Theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/9/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Lê Thủy về việc giải quyết đơn kiến nghị liên quan đến việc sử dụng đất của ông Đào Xuân N ở thôn H (nay là thôn Tr), xã S: Thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12, diện tích 399,9m² đất nông nghiệp (HNK) nguyên trước đây ông Đào Văn Th sử dụng nay tiếp tục giao cho ông Th sử dụng. Thửa đất này nằm trong hành lang đường bộ nên trong quá trình sử dụng ông Đào Văn Th phải tuyệt đối chấp hành các quy định của Nhà nước về sử dụng đất trong hành lang đường bộ.

2.2. Nguồn gốc thửa đất số 955, tờ bản đồ số 15; địa chỉ: Thôn Tr, xã S, huyện L; diện tích 1772,7m² gồm đất ở tại nông thôn 100m², đất trồng cây hàng năm khác 1.672,7m² cấp cho anh Đào Xuân D và chị Nguyễn Thị Th: Nhận tặng cho đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất 100m²; Nhận tặng cho đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất 1.672,7m².

2.3. Móng bằng đá hộc xanh cao 1,1m, dài 8,49m, rộng 0,5m anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh xây dựng trên diện tích 8,9m² đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12, diện tích 399,9m² đất nông nghiệp (HNK) được Ủy ban nhân dân huyện Lệ Thủy giao cho ông Đào Văn Th theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/9/2005.

[3] Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, xác định:

- Diện tích đất ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T thực tế sử dụng 342,2m², thiếu diện tích 57,7m²;

- Diện tích đất anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th thực tế sử dụng 1.821,5m², vượt diện tích 48,8m² sử dụng lần chiếm của ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T, trị giá 1.610.400 đồng. Trên diện tích đất sử dụng vượt so với giấy CNQSD đất đã cấp, anh Đ và chị Th xây tường rào bằng gạch bờ lốc, tô trát hoàn chỉnh dài 10,8m, cao 1,5m, trị giá 11.124.000 đồng; dựng hàng rào lưới B40 cao 1,5m, dài 17,91m, 07 cọc bê tông cao 1,5m, rộng 10cm, trị giá 3.402.900 đồng; trồng 03 cây dừa 7 đến 8 năm tuổi, trị giá 1.036.000 đồng; 01 cây xoan phi lớn hơn 20cm, trị giá 52.680 đồng; 01 bụi chuối sắp trở buồng, trị giá 253.000 đồng; tổng trị giá tài sản tranh chấp 17.478.980 đồng.

- Anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh sử dụng lần chiếm diện tích 8,9m² của ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T, trị giá 293.700 đồng. Trên diện tích đất lần chiếm, anh Đ và chị Nh xây móng bằng đá hộc xanh cao 1,1m, dài 8,49m, rộng 0,5m, trị giá 4.739.500 đồng; tổng trị giá tài sản tranh chấp 5.033.200 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, ý kiến của đồng bị đơn, các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập; căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sự thừa nhận của các đồng bị đơn, có cơ sở xác định đồng bị đơn anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th xây hàng rào bằng gạch bờ lốc; dựng hàng rào lưới B40 cao 1,5m, dài 17,91m, 07 cọc bê tông cao 1,5m, rộng 10cm; trồng 03 cây dừa 7 đến 8 năm tuổi; 01 cây xoan phi lớn hơn 20cm; 01 bụi chuối sắp trở buồng trên diện tích 48,8m² đất trồng cây hàng năm khác của ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T. Anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh sử dụng lần chiếm diện tích 8,9m² đất trồng cây hàng năm khác của ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T. Do đó, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn, buộc anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th, anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh phá dỡ, di dời các công trình và cây cối trên diện tích đất lần chiếm, trả lại diện tích đất lần chiếm cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 4.400.000 đồng và số tiền này đồng nguyên đơn đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên đồng bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản; xét giá trị tài sản tranh chấp giữa các đồng bị đơn không giống nhau, Hội đồng xét xử phân chia nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng theo tỷ lệ, buộc anh Đào Xuân Đ

và chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 3.000.000 đồng; buộc anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh phải chịu số tiền 1.400.000 đồng trả lại cho đồng nguyên đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 157, 158, 165 và 166 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản tranh chấp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 163, 164, 166, 274, 275, 276, khoản 2 Điều 468, Điều 579, Điều 580 của Bộ luật dân sự; Điều 170 và Điều 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

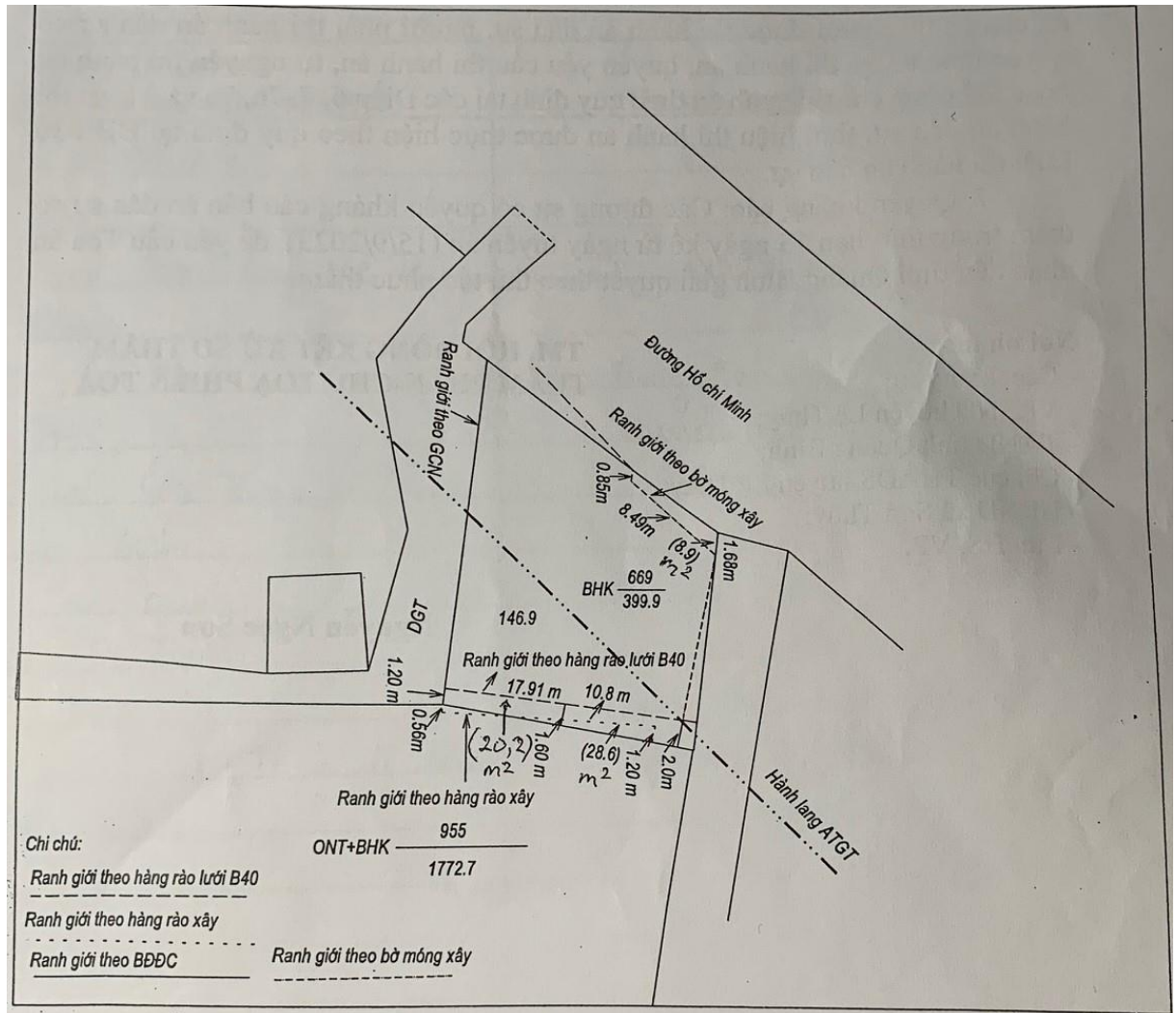
Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

2. Buộc anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th phải phá dỡ, di dời tường rào bằng gạch bờ lóc dài 10,8m, cao 1,5m; hàng rào lưới B40 cao 1,5m, dài 17,91m, 07 cọc bê tông cao 1,5m, rộng 10cm; 03 cây dừa 7 đến 8 năm tuổi, 01 cây xoan phi lớn hơn 20cm, 01 bụi chuối sắp trổ buồng; trả lại cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T diện tích 48,8m² đất trồng cây hàng năm khác của thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12. Tổng trị giá tài sản tranh chấp số tiền 17.426.300 đồng.

3. Buộc anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh phải phá dỡ móng xây bằng đá hộc xanh cao 1,1m, dài 8,49m, rộng 0,5m, trả lại cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T đất trồng cây hàng năm khác diện tích 8,9m². Tổng trị giá tài sản tranh chấp số tiền 5.033.200 đồng.

4. Tạm giao cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T tiếp tục sử dụng diện tích 399,9m² đất trồng cây hàng năm khác của thửa đất số 115, tờ bản đồ giải thửa số 12, địa chỉ tại thôn Tr, xã S, huyện L theo Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 26/9/2005 của Ủy ban nhân dân huyện Lê Thủy về việc giải quyết đơn kiến nghị liên quan đến việc sử dụng đất. Ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T có nghĩa vụ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để thực hiện các quyền và nghĩa vụ về đất đai theo quy định của pháp luật, theo sơ đồ:



5. Về chi phí tổ tụng:

Buộc anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả lại cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T số tiền 3.000.000 đồng; buộc anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh có nghĩa vụ trả lại cho ông Đào Văn Th và bà Phan Thị T số tiền 1.400.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Về án phí: Anh Đào Xuân Đ và chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 871.000 đồng; anh Đào Xuân Đ và chị Cao Thị Bích Nh phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/9/2023), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- UBND xã Sơn Thủy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn

